

Bản án số: 35/2019/HS-ST
Ngày 27/11/2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ LĨNH, TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Khánh Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mã Thị Huệ và Ông Lương Văn Chung.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Ly - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Lĩnh tham gia phiên tòa: Bà Ma Kim Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng đã tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 38/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với:

- **Bị cáo Bế Văn T**, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 20 tháng 01 năm 1994 tại huyện T, tỉnh C; HKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm T, xã Q, huyện T, tỉnh C; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 07/12; Con ông Bế Văn L, sinh năm 1978 và bà Triệu Thị Đ, sinh năm 1976; vợ: La Thị C, sinh năm 1993; con: Có 01 con, sinh năm 2017; Tiền án; tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/8/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh C (*có mặt tại phiên tòa*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh La Văn T, sinh năm 1986; trú tại: Xóm , thị trấn H, huyện T, tỉnh C (*có mặt*).

2. Chị La Thị C, sinh năm: 1993; trú tại: Xóm T, xã Q, huyện T, tỉnh C (*có mặt*).

- Những người làm chứng:

1. La Văn H, sinh năm 1994; trú tại xóm C, thị trấn H, huyện T, tỉnh C (*vắng mặt*).

2. Nông Đức T, sinh năm 1997; trú tại xóm B, thị trấn H, huyện T, tỉnh C (*vắng mặt*).

3. Vi Văn T, sinh năm 1999; trú tại xóm Đ, xã Q, huyện T, tỉnh C (*vắng mặt*).

4. Sầm Văn Q, sinh năm 1990; trú tại xóm P, xã L, huyện T, tỉnh C (*vắng mặt*).

5. Bế Văn S, sinh năm 1991; trú tại xóm B, xã Q, huyện T, tỉnh C (vắng mặt).
6. Đàm Văn Q, sinh năm 1993; trú tại xóm L, xã C, huyện T, tỉnh C (vắng mặt).
7. Đàm Văn C, sinh năm 2001; trú tại xóm T, xã Q, huyện T, tỉnh C (vắng mặt).
8. Hoàng Văn T, sinh năm 1998; trú tại xóm C, xã T, huyện T, tỉnh C (vắng mặt).
9. Bế Văn H, sinh năm 1982; trú tại xóm Đ, xã Q, huyện T, tỉnh C (vắng mặt).
10. Nông Văn H, sinh năm 1988; trú tại xóm N, thị trấn H, huyện T, tỉnh C (vắng mặt).
11. Đàm Văn T, sinh năm 1984; trú tại xóm B, xã Q, huyện T, tỉnh C (vắng mặt).
12. Nông Văn N, sinh năm 1991; trú tại xóm N, thị trấn H, huyện T, tỉnh C (vắng mặt).
13. Nông Văn T, sinh năm 1976; trú tại xóm N, xã Q, huyện T, tỉnh C (vắng mặt).
14. Lô Văn Đ, sinh năm 1981; trú tại xóm Đ, xã Q, huyện T, tỉnh C (vắng mặt).
15. Khảm Văn N, sinh năm 1999; trú tại xóm T, xã Q, huyện T, tỉnh C (vắng mặt).
16. Đàm Văn B, sinh năm 1995; trú tại xóm L, xã C, huyện T, tỉnh C (vắng mặt).
17. Hoàng Văn Q, sinh năm 1989; trú tại xóm C, xã C, huyện T, tỉnh C (vắng mặt).
18. Đinh Văn H, sinh năm 1994; trú tại xóm B, thị trấn H, huyện T, tỉnh C (vắng mặt).
19. Bế Nông H, sinh năm 1989; trú tại tổ dân phố 1, thị trấn H, huyện T, tỉnh C (vắng mặt).
20. Lê Quang Q, sinh năm 1980; trú tại xóm N, thị trấn H, huyện T, tỉnh C (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 22 giờ 15 phút, ngày 27/8/2019, tại xóm V, xã Q, huyện T, tỉnh C. Tổ công tác Công an huyện T phối hợp với Đoàn Biên phòng cửa khẩu T phát hiện, bắt quả tang Bế Văn T, sinh ngày 20/01/1994, trú tại xóm T, xã Q, huyện T, tỉnh C đang cùng Vi Văn T, sinh ngày 19/10/1999, trú tại xóm Đ, xã Q, huyện T, tỉnh C sử dụng trái phép chất ma túy ngay tại hang đá thuộc xóm V. Kiểm tra trên người Vi Văn T không phát hiện đồ vật, tài sản gì. Kiểm tra trên người Bế Văn T, phát hiện 01 (một) chiếc điện thoại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, điện thoại đã qua sử dụng, số IMEI 1: 868683048335131; số IMEI 2:

86868304335123; phát hiện trong túi quần phía trước bên trái có một ví da màu nâu, trong ví có số tiền 1.020.000 đồng và 02 (hai) gói giấy màu vàng, bên trong gói giấy có chứa chất bột màu trắng dạng cục; phát hiện dưới đất, gần chân của Bé Văn T có 01 (một) vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng, trong vỏ bao có 03 (ba) gói giấy nhỏ màu vàng, bên trong mỗi gói giấy có chứa chất bột màu trắng dạng cục, T khai nhận trong 05 (năm) gói giấy nhỏ màu vàng kẻ trên đều chứa Heroine, T mua ma túy về để sử dụng và bán kiếm lời.

Ngày 28/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Bé Văn T tại xóm T, xã Q, huyện T, tỉnh C. Kết quả không phát hiện đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Ngày 28/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng ma túy, lấy mẫu gửi giám định và niêm phong lại. Kết quả số chất bột màu trắng dạng cục phát hiện và thu giữ của Bé Văn T có tổng khối lượng là 0,15g (không phải mười năm gam). Tại bản kết luận giám định số 232/GĐMT ngày 09/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh C kết luận: “Mẫu chất bột màu trắng bên trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại: **Heroine**”.

Quá trình điều tra xác định, Bé Văn T bắt đầu sử dụng chất ma túy bằng hình thức hít qua đường hô hấp từ đầu năm 2019, mỗi ngày sử dụng từ 02 (hai) đến 03 (ba) lần mỗi lần 100.000 đồng. Từ đầu tháng 7 năm 2019 cho đến khi bị bắt T mua ma túy với người đàn ông tên Q (Chéch) địa chỉ: xóm B, thị trấn H, huyện T, tỉnh C nhiều lần nhằm mục đích sử dụng và bán kiếm lời. Trong ngày 27/8/2019, T mua ma túy 03 (ba) lần; trong đó 02 (hai) lần T trực tiếp đến nhà Q, đưa tiền và nhận ma túy qua cửa sổ với số tiền 400.000 đồng; 01 (lần) T nhờ bạn nghiện mua giúp với số tiền 400.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T chia ma túy ra thành nhiều gói nhỏ để sử dụng và bán kiếm lời. T trực tiếp bán ma túy nhiều lần và bán cho nhiều người, cụ thể: La Văn H 04 (bốn) lần, mỗi lần 200.000 đồng; Nông Đức T 02 (hai) lần, mỗi lần 200.000 đồng; Vi Văn T 10 (mười) lần, trong đó 07 (bảy) lần 100.000 đồng và 03 (ba) lần 200.000 đồng; Sầm Văn Q 06 (sáu) lần, trong đó 05 (năm) lần, mỗi lần 100.000 đồng, lần cuối cùng ngày 27/8/2019, 200.000 đồng; Bé Văn S 01 (một) lần, 200.000 đồng; Đàm Văn Q 01 (một) lần, 200.000 đồng; Đàm Văn C 02 (hai) lần, mỗi lần 200.000 đồng; Hoàng Văn T 01 (một) lần, 200.000 đồng; Bé Văn H 01 (một) lần, mỗi lần 200.000 đồng; Nông Văn H 01 (một) lần, 200.000 đồng; Đàm Văn T 01 (một) lần, 150.000 đồng; Nông Văn N 01 (một) lần, 200.000 đồng; Nông Văn T 01 (một) lần, 200.000 đồng; Lô Văn Đ 01 (một) lần, 200.000 đồng; Khảm Văn N 02 (hai) lần, mỗi lần 200.000 đồng; Đàm Văn B 02 (hai) lần, mỗi lần 200.000 đồng; Hoàng Văn Q 02 (hai) lần, mỗi lần 200.000 đồng; Đinh Văn H 01 (một) lần, 200.000 đồng; Bé Nông H 01 (một) lần, 200.000 đồng.

Lời khai của Bé Văn T phù hợp với lời khai của những người làm chứng: Vi Văn T, La Văn H, Sầm Văn Q, Bé Văn S, Đàm Văn Q, Đàm Văn C, Hoàng Văn T, Bé Văn H, Nông Đức T, Nông Văn H, Đàm Văn T, Nông Văn N, Nông Văn T, Lô Văn Đ về thời gian, địa điểm, số lượng, số lần và phương thức giao

dịch T bán ma túy. Đối với Khảm Văn N, Đàm Văn B, Hoàng Văn Q, Đinh Văn H, Bế Nông H Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành xác minh 05 (năm) đối tượng không có mặt tại địa phương nên triệu tập nhiều lần, không đến.

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKSTL, ngày 15 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh C đã truy tố Bế Văn T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Bế Văn T khai nhận: bắt đầu sử dụng chất ma túy bằng hình thức hít qua đường hô hấp từ đầu năm 2019, mỗi ngày sử dụng từ 02 (hai) đến 03 (ba) lần mỗi lần 100.000 đồng. Từ đầu tháng 7 năm 2019 cho đến khi bị bắt T mua ma túy với người đàn ông tên Q (Chéch) địa chỉ: xóm B, thị trấn H, huyện T, tỉnh C nhiều lần nhằm mục đích sử dụng và bán kiếm lời đến khi bị bắt. Bị cáo đã bán ma túy cho nhiều người cho đến khi bị bắt. Bị cáo nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan La Văn T trình bày: Tôi đã nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA TAURUS, biển kiểm soát 11Y1- 1011 mà Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện T tạm giữ. Bị cáo Bế Văn T là em vợ tôi, ngày 27/8/2019, T tự ý sử dụng xe mô tô của tôi đi chơi mà không hỏi ý kiến. Tôi không biết T sử dụng xe đi đâu và nhằm mục đích gì. Chiếc xe là phương tiện đi lại duy nhất của gia đình tôi, nay đã được nhận lại tôi không có ý kiến gì thêm.

Trong phần kết luận và tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bế Văn T từ 07 đến 08 năm tù; về vật chứng: Xử lý theo quy định của pháp luật; Truy thu số tiền 5.350.000 đồng do bị cáo phạm tội mua bán trái phép chất ma túy mà có để sung quỹ Nhà nước; bị cáo Bế Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Bế Văn T không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Khi nói lời sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Công an huyện T, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành

vi, quyết định tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo, các yếu tố cấu thành tội phạm: Căn cứ vào lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa và lời khai của những người làm chứng phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Vào hồi 22 giờ 15 phút, ngày 27/8/2019, tổ công tác Công an huyện T phối hợp với Đoàn Biên phòng Cửa khẩu T, tuần tra làm nhiệm vụ tại khu vực xóm V, xã Q, huyện T, tỉnh C phát hiện và bắt quả tang Bé Văn T đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ được đối với Bé Văn T là 0,15g (không phải mười năm gam) Heroin. Bé Văn T tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng cho bản thân và bán cho những đối tượng nghiện ma túy để kiếm lời. Bé Văn T khai nhận được trực tiếp bán ma túy nhiều lần và bán cho nhiều người, cụ thể: La Văn H 04 (bốn) lần, mỗi lần 200.000 đồng; Nông Đức T 02 (hai) lần, mỗi lần 200.000 đồng; Vi Văn T 10 (mười) lần, trong đó 07 (bảy) lần 100.000 đồng và 03 (ba) lần 200.000 đồng; Sầm Văn Q 06 (sáu) lần, 05 (năm) lần 100.000 đồng, lần cuối cùng ngày 27/8/2019, 200.000 đồng; Bé Văn S 01 (một) lần, 200.000 đồng; Đàm Văn Q 01 (một) lần, 200.000 đồng; Đàm Văn C 02 (hai) lần, mỗi lần 200.000 đồng; Hoàng Văn T 01 (một) lần, 200.000 đồng; Bé Văn H 01 (một) lần, 200.000 đồng; Nông Văn H 01 (một) lần, 200.000 đồng; Đàm Văn T 01 (một) lần, 150.000 đồng; Nông Văn N 01 (một) lần, 200.000 đồng; Nông Văn T 01 (một) lần, 200.000 đồng; Lô Văn Đ 01 (một) lần, 200.000 đồng; Khảm Văn N 02 (hai) lần, mỗi lần 200.000 đồng; Đàm Văn B 02 (hai) lần, mỗi lần 200.000 đồng; Hoàng Văn Q 02 (hai) lần, mỗi lần 200.000 đồng; Đinh Văn H 01 (một) lần, 200.000 đồng; Bé Nông H 01 (một) lần, 200.000 đồng.

Do vậy, bản Cáo trạng truy tố bị cáo Bé Văn T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Với những căn cứ trên, Hội đồng xét xử khẳng định bị cáo Bé Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015.

Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy ... 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: a) Có tổ chức; b) Phạm tội 02 lần trở lên; ...

Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Nhưng do bản thân mắc nghiện, hơn nữa vì bản thân háo hức để tiếp tục có tiền mua ma túy về sử dụng nên bị cáo đã bất chấp sự nghiêm cấm của pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây tác hại lớn về nhiều mặt cho xã hội, làm gia tăng các tệ nạn xã hội và là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Do vậy, cần xử phạt nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với người đàn ông mua ma túy giúp Bé Văn T không biết tên, tuổi, địa chỉ và người đàn ông tên Q (không biết họ và năm sinh) trú tại xóm B, Thị trấn H, huyện T, tỉnh C bán ma túy cho Bé Văn T nhiều lần, do bị cáo chưa gặp mặt Q lần nào. Nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T không đủ cơ sở để xác minh làm rõ đối tượng.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Không có.
- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bé Văn T phạm tội *“Mua bán trái phép chất ma túy”* và xử phạt bị cáo mức án từ 07 đến 08 năm tù. Xét thấy mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về xử lý vật chứng vụ án:

Về chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA TAURUS, biển kiểm soát 11Y1-1011, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lã Văn T là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng chuyển theo hồ sơ vụ án:

- 01 (một) phong bì đã được niêm phong, mặt trước ghi: *“Chất bột màu trắng, dạng cục và 05 (năm) mảnh giấy bạc màu vàng là vật chứng vụ: Bé Văn T, có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Bắt quả tang ngày 27/8/2019”*. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng hình con dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh C. *(Số ma túy là hàng cấm và vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Trình nên tịch thu, tiêu hủy)*.

- 01 (một) phong bì thư, được niêm phong, mặt trước ghi: *“01 (một) chiếc điện thoại di động thu giữ đối với Bé Văn T, ngày 27/8/2019”*, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng hình con dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh C. *(Xét điện thoại của các bị cáo sử dụng để liên lạc mua bán ma túy nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước)*.

- 01 (một) phong bì đã niêm phong. Mặt trước ghi: *“Số tiền 1.020.000 đồng thu giữ đối với Bé Văn T, ngày 27/8/2019. Tại xóm V- xã Q – huyện T – tỉnh C”*. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng hình con dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh C *(Tại phiên tòa xác định được trong số tiền trên có 600.000 đồng tiền bị cáo bán ma túy còn 400.000 đồng là tiền vợ bị cáo cho đi mua sữa cho con. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét trả lại cho chị Lê Thị C (Vợ bị cáo) số tiền 400.000 đồng; Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 620.000 đồng)*.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, quá trình tranh tụng tại phiên tòa xác định bị cáo Bé Văn T thu lợi bất chính từ việc bán ma túy với số tiền 5.350.000 đồng (Gồm: La Văn H 800.000 đồng; Nông Đức T 400.000 đồng; Vi Văn T 1.300.000 đồng; Sầm Văn Q số tiền là 700.000đ; Bé Văn S 200.000 đồng; Đàm

Văn Q 200.000 đồng; Đàm Văn C 400.000 đồng; Hoàng Văn T 200.000 đồng; Bé Văn H 200.000 đồng; Nông Văn H 200.000 đồng; Đàm Văn T 150.000 đồng; Nông Văn N 200.000 đồng; Nông Văn T 200.000 đồng; Lô Văn Đ 200.000 đồng. Tổng số tiền bán được là 5.350.000 đồng). Truy thu đối với bị cáo T số tiền 5.350.000 đồng.

[6]. Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

1. Bị cáo Bé Văn T phạm tội “**Mua bán trái phép chất ma túy**”.

2. Xử phạt bị cáo Bé Văn T 07(Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 28/8/2019.

3. Về xử lý vật chứng vụ án:

- *Tịch thu tiêu hủy*: 01 (một) phong bì đã được niêm phong, mặt trước ghi: “Chất bột màu trắng, dạng cục và 05 (năm) mảnh giấy bạc màu vàng là vật chứng vụ: Bé Văn T, có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Bắt quả tang ngày 27/8/2019”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng hình con dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

- *Tịch thu sung quỹ Nhà nước*: 01 (một) phong bì thư, được niêm phong, mặt trước ghi: “01 (một) chiếc điện thoại di động thu giữ đối với Bé Văn T, ngày 27/8/2019”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng hình con dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện T, tỉnh C.

Đối với (01 (một) phong bì đã niêm phong. Mặt trước ghi: “Số tiền 1.020.000 đồng thu giữ đối với Bé Văn T, ngày 27/8/2019. Tại xóm V- xã Q- huyện T – tỉnh C”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng hình con dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện T, tỉnh C) xử lý như sau:

-Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 620.000đ (Tiền bị cáo bán ma túy).

-Trả số tiền 400.000đ cho chị La Thị C, Sinh năm: 1993;Trú quán: Xóm T, xã Q, huyện T, tỉnh C.

Xác nhận số vật chứng và tiền trên đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, theo biên bản giao vật chứng ngày 19/11/2019.

- *Truy thu sung quỹ Nhà nước*: Số tiền 5.350.000 đồng là tiền do bị cáo đã bán ma túy.

4. Về án phí: Bị cáo Bế Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho bị cáo, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh C;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- Sở Tư pháp C;
- Công an huyện; Bị cáo;
- THADS huyện; Người có QLNVLQ;
- UBND xã Q, huyện T, tỉnh C;
- Lưu HS; lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vi Khánh Dân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Văn Chung

Mã Thị Huệ

Vi Khánh Dân